

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC 02: DANH MỤC CÁC LOẠI PHÂN BÓN THAY THẾ CÁC LOẠI PHÂN BÓN ĐÃ CÓ TRONG DANH MỤC
ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2011/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT)

A. Danh mục phân bón đã có trong DMPB được phép SXKD & SD Việt Nam (Ban hành kèm theo Quyết định số 55/2006/QĐ-BNN ngày 7/7/2006 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

V. PHÂN HỮU CƠ VI SINH

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
5	1	Phân bón phức hợp HCVS Fitohocmon III	Fitohocmon III (VINACAFE-FITO NPK 5-3-5)	%	HC: 15; Axit Humic: 0,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-3-5	CT CP Phân bón Fitohocmon	CT CP Phân bón Fitohocmon; CT CP SXKD phân bón Vinacafe
				ppm	Cu: 60; Zn: 60; Mn: 38; B: 10; Mo: 2; Fe: 30		
				Cfu/g	Azotobacter.sp, Pseudomonas.sp, Streptomonas.sp: 1x10 ⁶ mỗi loại		
6	2	Phân bón phức hợp HCVS Fitohocmon IV	Fitohocmon IV (FITO-LAMSON NPK 4-2-3)	%	HC: 15; Axit Humic: 0,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-2-3		CT CP Phân bón Fitohocmon
				ppm	Cu: 60; Zn: 60; Mn: 38; B: 10; Mo: 2; Fe: 30		
				Cfu/g	Azotobacter.sp, Pseudomonas.sp, Streptomonas.sp: 1x10 ⁶ mỗi loại		
7	3	Phân bón phức hợp HCVS Fitohocmon V	Fitohocmon V (VINACAFE-FITO NPK 0-3-0)	%	HC: 15; Axit Humic: 0,5; P ₂ O ₅ : 3		CT CP Phân bón Fitohocmon; CT CP SXKD phân bón Vinacafe
				ppm	Cu: 60; Zn: 60; Mn: 38; B: 10; Mo: 2; Fe: 30		
				Cfu/g	Azotobacter.sp, Pseudomonas.sp, Streptomonas.sp: 1x10 ⁶ mỗi loại		

8	4	Phân bón phức hợp HCVS Fitohocmon VI	Fitohocmon VI (FITO-CON DÊ; VINACAFE-FITO NPK 3-3-3)	%	HC: 15; Axit Humic: 0,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-3-3	CT CP Phân bón Fitohocmon	CT CP Phân bón Fitohocmon; CT CP Cà Phê Thái Hòa Lâm Đồng; CT CP SXKD phân bón Vinacafe
				ppm	Cu: 60; Zn: 60; Mn: 38; B: 10; Mo: 2; Fe: 30		
				Cfu/g	Azotobacter.sp, Pseudomonas.sp, Streptomonas.sp: 1x10 ⁶ mỗi loại		
9	5	Phân bón phức hợp HCVS Fitohocmon VII	Fitohocmon VII (VINACAFE-FITO NPK 3-3-8)	%	HC: 15 N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-3-8 Axit Humic: 0,5		CT CP Phân bón Fitohocmon; CT CP SXKD phân bón Vinacafe
				ppm	Cu: 60; Zn: 60; Mn: 38; B: 10; Mo: 2; Fe: 30		
				Cfu/g	Azotobacter.sp, Pseudomonas.sp, Streptomonas.sp: 1x10 ⁶ mỗi loại		
12	6	Phân bón phức hợp HCVS Fitohocmon X	Fitohocmon X (FITO-CON DÊ; VINACAFE-FITO NPK 1-3-1)	%	HC: 15; Axit Humic: 0,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1-3-1	CT CP Phân bón Fitohocmon	CT CP Phân bón Fitohocmon; CT CP Cà Phê Thái Hòa Lâm Đồng; CT CP SXKD phân bón Vinacafe
				ppm	Cu: 60; Zn: 60; Mn: 38; B: 10; Mo: 2; Fe: 30		
				Cfu/g	Azotobacter.sp, Pseudomonas.sp, Streptomonas.sp: 1x10 ⁶ mỗi loại		
16	7	Phân bón phức hợp HCVS Fitohocmon I-Lam Sơn	Fitohocmon I-Lam Sơn (VINACAFE-FITO; NPK 5-3-5)	%	HC: 15; Axit Humic: 0,2; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-3-5		CT CP Phân bón Fitohocmon; CT CP SXKD phân bón Vinacafe
				ppm	Cu: 60; Zn: 60; Mn: 38; B: 10; Mo: 2; Fe: 30		
				Cfu/g	Azotobacter.sp, Pseudomonas.sp, Streptomonas.sp: 1x10 ⁶ mỗi loại		
17	8	Phân bón phức hợp HCVS Fitohocmon II-Lam Sơn	Fitohocmon II-Lam Sơn (VINACAFE-FITO NPK 4-2-2)	%	HC: 15; Axit Humic: 0,2; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-2-2		
				ppm	Cu: 60; Zn: 60; Mn: 38; B: 10; Mo: 2; Fe: 30		
				Cfu/g	Azotobacter.sp, Pseudomonas.sp, Streptomonas.sp: 1x10 ⁶ mỗi loại		

VI- PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
277	9	HT-Orchid.01 (cho phong lan)		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-6-12 pH: 6,5-7; Tỷ trọng: 1,15	Cơ sở SX và kinh doanh phân bón Hải Tiên	CT TNHH MTV SX-DV-TM Phân bón Hải Tiên
278	10	HT-Orchid.02 (cho phong lan)		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-4-25; Độ ẩm: 5		
279	11	HT-Orchid.03 (cho phong lan)		%	P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-16 pH: 6,5-7; Tỷ trọng: 1,1		
280	12	HT-Orchid.04 (cho phong lan)		%	P ₂ O ₅ -K ₂ O: 38-19; Độ ẩm: 5		

B. Danh mục phân bón đã có trong DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BNN ngày 06/02/2007 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

VI- PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
154	13	Siêu hạ phèn 0-44-7.4 + 10 MgO		g/l	P ₂ O ₅ -K ₂ O: 440-74; MgO: 100 pH: 1-3; Tỷ trọng: 1,3-1,4	DNTN Thanh Hưng	CT TNHH Thanh Hưng
155	14	Aronic 20-30-20 + TE		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 20-30-20; Fe: 0,1; Mn: 0,05; Zn: 0,05 Độ ẩm: 10		
156	15	Aronic 12-5-5		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 12-5-5; B: 0,1		
				ppm	Fe: 25; Zn: 80; Cu: 50		
					pH: 1,05-1,15		
157	16	Aronic Super		%	P ₂ O ₅ -K ₂ O: 9-18; SiO ₂ : 4,3; Độ ẩm: 10		
				ppm	Fe: 47; B: 27; Mn: 30; Mg: 50; Cu: 60; Zn: 40		

C. Danh mục phân bón đã có trong DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Quyết định số 67/2007/QĐ-BNN ngày 10/7/2007 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

IV. PHÂN HỮU CƠ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
7	17	HT-Orchid.10		%	HC: 86,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-2-1,5; Độ ẩm: 25	CS SX&KD Phân bón Hải Tiên	CT TNHH MTV SX-DV-TM Phân bón Hải Tiên
				Cfu/g	Burkholderia cepacia: 1x10 ⁸ ; Bacillus subtilis: 1x10 ⁸		
8	18	HT-Orchid.13		%	HC: 43,3; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-5-1,5; Độ ẩm: 25		

V. PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
7	19	HT-Orchid.12		%	HC: 26; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 19-6-12; Độ ẩm: 25	CS SX&KD Phân bón Hải Tiên	CT TNHH MTV SX-DV-TM Phân bón Hải Tiên

VI. PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
4	20	HT-Orchid.11		%	HC: 43,3; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-5-2; Độ ẩm: 25	CS SX&KD Phân bón Hải Tiên	CT TNHH MTV SX-DV-TM Phân bón Hải Tiên

IX. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
25	21	HA.5-2-1,5		%	N-P ₂ O ₅ hh-K ₂ O:5-2-1,5; Alanine:0,31; Cystine:0,12; Glutamic axit:0,14; Leucine:0,45; Methionine:0,18; Proline:0,3	CT TNHH TM Hoàng Ân	CT CPXNK Nông dược Hoàng Ân
				ppm	Ca: 200; Mg: 50; Zn: 100		
63	22	Việt Xanh		%	Axit Humic: 0,3; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4,3-4,1-5,3	CT TMSX Việt Long	CT TNHH TM&SX Việt Xanh
				ppm	MgO: 260; Cu: 150; Zn: 140; B: 80; Mn: 50		

D. Danh mục phân bón đã có trong DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Quyết định số 102/2007/QĐ-BNN, ngày 11/12/2007 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT) nhưng có sự thay đổi về tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

III. PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
5	23	UV-HC 01	KPT-01	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O:4-3,5-4; MgO:0,4; CaO:5; Độ ẩm:20	CT TNHH MASAGO	CT TNHH Kim Phú Tài
					pH: 7		
23	24	Domix-CM		%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O:6-4-5; Mg: 1; Độ ẩm: 25	CT TNHH Miền Đông	CT TNHH Đại Thành
24	25	Domix-KM		%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-3-6; Ca: 1; Mg: 1; Độ ẩm: 25		
25	26	Domix-ĐM		%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-4-6; Ca: 1; Mg: 2; Độ ẩm: 25		
26	27	Domix-CSKT		%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 6-4-3; Mg: 3; Độ ẩm: 25		
27	28	Domix-CSKD		%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 6-5-4; Mg: 4; Độ ẩm: 25		

V. PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
1	29	Đầu trâu 1-4-1	CUGASA 2,5-4-1	%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,5-4-1; Độ ẩm: 25	CT CP Phân bón Bình Điền	CT CP SX TM DV Tổng Hợp Anh Việt
					pH: 6,5		

VI. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
72	30	NOVID - 1	KV-16	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4,0-8,0-16,0	CT TNHH Nông Việt Đức	CT TNHH Phân bón Kiến Vàng
				ppm	Fe: 45; Mg: 50; Mn: 40; Cu: 65; Zn: 60; Mo: 20; S: 15; SiO ₂ : 4,3; GA3: 250		
					pH: 6,5-7,5; Tỷ trọng: 1,2		

Đ. Danh mục phân bón đã có trong DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Quyết định số 59/2008/QĐ-BNN ngày 9/5/2008 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

IV. PHÂN HỮU CƠ VI SINH

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
6	31	Fitohoocmon XVI	Fitohoocmon XVI (FITO-LAMSON NPK 6-2-4)	%	HC: 15; Axit Humic: 0,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 6-2-4	CT CP Phân bón Fitohoocmon	CT CP Phân bón Fitohoocmon; CT CP Phân bón Lam Sơn
				ppm	Cu: 60; Zn: 60; Mn: 38; B: 10; Mo: 2; Fe: 30		
				Cfu/g	Azotobacter.sp, Pseudomonas.sp, Streptomonas.sp: 1x10 ⁶ mỗi loại		

E. Danh mục phân bón đã có trong DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Quyết định số 105/2008/QĐ-BNN ngày 22/10/2008 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

IV. PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
15	32	Hữu cơ khoáng 3-5-2	VY-VL 3-5-2 +23% HC	%	HC: 23; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-5-2; Độ ẩm: 25	DNTN Lâm Bưu; CTCP Việt Ý	CT CP Việt Ý; CT TNHH MTV TM-SX Việt Liên
16	33	Hữu cơ khoáng NPK 3-3-3	VY-VL NPK 3-3-3+40% HC	%	HC: 40; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-3-3; Độ ẩm: 25		

VII. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
118	34	SUN 4		%	CaO: 2; B: 2; NAA: 0,5	CT TNHH PTCN Thảo Điền	CT TNHH SX Tấn Đức
				ppm	VTM B1: 1000; VTM C: 1000;		
					pH: 7; Tỷ trọng: 1,1		

G. Danh mục phân bón đã có trong DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BNN ngày 17/3/2009 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

II. PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
12	35	Minh Lương	Tân Việt Pháp 15	%	HC: 23; Axít Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,5-1-1; Độ ẩm: 20	CT TNHH Minh Lương	CT CP XNK Tân Việt Pháp
					pH: 6,5		
				ppm	B: 100; Zn: 50; Mn: 80		

IV. PHÂN HỮU CƠ VI SINH

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
15	36	NBC 1-1-1 (cho lúa)	KN 1-1-1 (cho lúa)	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1-1-1; CaO: 0,5; MgO: 0,3; Độ ẩm: 30	CT TNHH Nam Bắc	CT CP Khang Nông
				ppm	Cu: 80; Zn: 100; B: 200		
				Cfu/g	VSV phân giải lân, Trichoderma sp.: 1x10 ⁶ mỗi loại		

V. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
40	37	Hợp Trí Super K	Hợp Trí Super K (dạng bột)	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-13-34; Zn: 12,5; Độ ẩm: 5	CT TNHH Hóa Nông Hợp Trí	
			Hợp Trí Super K (dạng lỏng)	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-13-34; Zn: 12,5		
					pH: 4-6; Tỷ trọng: 1,9-2		

H. Danh mục phân bón đã có trong DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2009/TT-BNNPTNT ngày 17/7/2009 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

III. PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
11	38	MEKONG - A02 (MKF - A02)		%	HC: 23; Axit Humic: 3; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-3-1; CaO: 0,5; MgO: 0,2; Độ ẩm: 20	CT CPNN MEKONG (MEKOFA)	CT CP SX-XNK Mekong Food
				ppm	Fe: 200; Zn: 200; Cu: 100; B: 50		
12	39	MEKONG - A03 (MKF - A03)		%	HC: 23; Axit Humic: 3; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-2-2; Độ ẩm: 20		
				ppm	Fe: 300; Zn: 300; Cu: 100; B: 100; NAA: 50		

V. PHÂN HỮU CƠ VI SINH

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
13	40	MEKONG - A04 (MKF - A04)		%	HC: 15; Axit Humic: 3; N-P ₂ O ₅ .K ₂ O: 1-3-1; CaO: 1; MgO: 0,5; Độ ẩm: 28	CT CPNN MEKONG (MEKOFA)	CT CP SX-XNK Mekong Food
				ppm	Fe: 200; Zn: 200; Cu: 100; B: 50		
				Cfu/g	VSV (N,P,X): 1x10 ⁶ mỗi loại		
16	41	MEKONG - A01 (MKF - A01)		%	HC:15; Axit Humic:3; N-P ₂ O ₅ .K ₂ O:2-2-1; CaO:0,5; Độ ẩm:28	CT CPNN MEKONG (MEKOFA)	CT CP SX-XNK Mekong Food
				ppm	Fe: 300; Zn: 300; Cu: 100		
				Cfu/g	VSV (N,P,X): 1x10 ⁶ mỗi loại		

VI. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
129	42	MEKONG - B01 (MKL - B01)		%	Axit Humic: 2; N-P ₂ O ₅ .K ₂ O: 8-4-4	CT CPNN MEKONG (MEKOFA)	CT TNHH MTV SX TM DV Phân bón Hoàn Thiện
				ppm	Mg: 300; Fe: 300; Zn: 300; Cu: 200; Mn: 200		
					pH: 6,5-7,5; Tỷ trọng: 1,1-1,15		
130	43	MEKONG - B02 (MKL - B02)		%	Axit Humic: 2; N-P ₂ O ₅ .K ₂ O: 4-8-8		
				ppm	B: 400; Zn: 300; Cu: 400		
					pH: 6,5-7,5; Tỷ trọng: 1,1-1,15		

131	44	MEKONG - B03 (MKL - B03)		%	Axit Humic: 2; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-4-8	CT CPNN MEKONG (MEKOFA)	CT TNHH MTV SX TM DV Phân bón Hoàn Thiện
				ppm	B: 300; Ca: 200; GA ₃ : 100; Cu: 200		
					pH: 6,5-7,5; Tỷ trọng: 1,1-1,15		
132	45	MEKONG - B04 (MKL - B04)		%	Axit Humic: 2; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 6-6-6		
				ppm	Fe: 300; Zn: 200; Cu: 200; Mn: 200; GA ₃ : 100		
					pH: 6,5-7,5; Tỷ trọng: 1,1-1,15		
220	46	Thao Nong - Sta 4	TTP 08	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4,5-4,5-4,5	CT TNHH Thảo Nông	CT TNHH MTV Trường Thành Phát
				ppm	Mg: 250; B: 500; Mo: 10; Zn: 200; Mn: 300		
					pH: 6-7; Tỷ trọng: 1,1-1,5		

I. Danh mục phân bón đã có trong DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 62/2009/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2009 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

III. PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC

TT		Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
Cũ	Mới				
1	47	RealStrong (4-3-2)+13%C	%	HC: 22,4 (C: 13); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-0,6-2 (P ₂ O ₅ ts: 3); Fe: 0,99; Mn: 0,02	VPĐD CT All Cosmos Industries SDN tại Tp.HCM
			ppm	Cu: 7,6; Mo: 73,74; Zn: 93,16; Co: 1,75	
2	48	REAL STRONG 4-16-16	%	HC: 30 (Axit Humic: 2); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-3,5-16 (P ₂ O ₅ ts: 16); Độ ẩm: 8	
				pH: 7	

3	49	REAL STRONG 10-5-20	%	HC: 50 (Axit Humic: 2); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-2,4-20 (P ₂ O ₅ ts: 5); Độ ẩm: 18	VPDD CT All Cosmos Industries SDN tại Tp.HCM
				pH: 7	
4	50	REAL STRONG 5-5-5	%	HC: 50 (Axit Humic: 2); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-2,9-5 (P ₂ O ₅ ts: 5); Độ ẩm: 18	
				pH: 6,2-6,8	
5	51	REAL STRONG 0-15-5	%	HC: 30 (Axit Humic: 2); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-2,8-5 (P ₂ O ₅ ts: 15); Độ ẩm: 8	
				pH: 7	
6	52	REAL STRONG 10-20-10	%	HC: 30 (Axit Humic: 2); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-4-10 (P ₂ O ₅ ts: 20); Độ ẩm: 8	
				pH: 5-6,5	
7	53	REAL STRONG 25-5-5	%	HC: 50 (Axit Humic: 2); N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 25-2,8-5 (P ₂ O ₅ ts: 5); Độ ẩm: 18	
				pH: 5-6,5	

II- PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG

TT		Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
Cũ	Mới				
1	54	RealStrong (12-6-12)+8,5%C	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 12-3,2-12 (P ₂ O ₅ ts: 6)	VPDD CT All Cosmos Industries SDN tại Tp.HCM
			ppm	Mn: 0,02; Fe: 0,99; Zn: 0,01; B: 28,56; Cu: 26,83; Mo: 46,9; Co: 3,31	
2	55	RealStrong (11-11-11)+11,0%C	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 11-4,6-11 (P ₂ O ₅ ts: 11)	
			ppm	Fe: 1,41; Mn: 0,03; Zn: 0,52; B: 32,18; Cu: 34,67; Mo: 71,53; Co: 7,82	
3	56	RealStrong (8-8-20)+8,5%C	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 8-0,8-20 (P ₂ O ₅ ts: 8); Fe: 0,94; Mn: 0,03; Zn: 0,01; B: 27,37	
			ppm	Cu: 28,08; Mo: 48,55	

K. Danh mục phân bón đã có trong DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2010/TT-BNNPTNT ngày 29/6/2010 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

III. PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
15	57	GSX 40	Lam Sơn 1	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ : 6-2-4; Độ ẩm: 20	CT TNHH Giang Sơn Xanh	CT CP Phân bón Lam Sơn

VII. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
41	58	TQ - Thiên Thời		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-25-12; MgO: 10	CT TNHH SX & TMDV Dạ Yến	CT TNHH Tứ Quý
					pH: 4-7; Tỷ trọng: 1,08-1,31		
42	59	TQ - Hoa Lợi		%	Axit Humic: 4; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-5-3		
				ppm	Zn: 500; B: 100		
					pH: 5-8; Tỷ trọng: 1,05-1,2		

43	60	TQ - Hoa Nắng		%	N-P ₂ O ₅ : 5-27; Zn: 1,5; NAA: 0,5	CT TNHH SX & TMDV Dạ Yến	CT TNHH Tứ Quý
					pH: 5-8; Tỷ trọng: 1,05-1,2		
44	61	TQ - Bốn Mùa		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-5-3; α-NAA: 0,3; GA3: 0,2		
				ppm	Zn: 500; B: 100		
					pH: 5-8; Tỷ trọng: 1,05-1,2		
57	62	Đạt Nông 33-11-11 (Acid Plant Food 33-11-11)	Đạt Nông Grow More 33-11-11 (Acid Plant Food 33-11-11)	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 33-11-11; Độ ẩm: 15	CT TNHH Đạt Nông [NK từ Hoa Kỳ]	
				ppm	Fe: 1000; Mn: 500; Zn: 500; B: 500; Mo: 500		
58	63	Đạt Nông 20-30-30 (All Purpose Plant Food 20-30-20)	Đạt Nông Grow More 20-30-20 (All Purpose Plant Food 20-30-20)	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 20-30-20; Độ ẩm: 15		
				ppm	Fe: 1000; Mn: 500; Zn: 500		
59	64	Đạt Nông 10-15-10 (All Purpose Plant Food 10-15-10)	Đạt Nông Grow More 10-15-10 (All Purpose Plant Food 10-15-10)	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-15-10; Độ ẩm: 15		
				ppm	Fe: 1000; Mn: 500; Zn: 500		
60	65	Đạt Nông 10-60-10 (Bloom Plant Food 10-60-10)	Đạt Nông Grow More 10-60-10 (Bloom Plant Food 10-60-10)	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-60-10; Độ ẩm: 15		
				ppm	Fe: 1000; Mn: 500; Zn: 500		
61	66	Đạt Nông 5-30-5 (Bloom Plant Food 5-30-5)	Đạt Nông Grow More 5-30-5 (Bloom Plant Food 5-30-5)	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-30-5; Độ ẩm: 15		
				ppm	Fe: 1000; Mn: 500; Zn: 500		

75	67	Đạt Nông 40-4-4 (Lawn Plant Food 40-4-4)	Đạt Nông Grow More 40-4-4 (Lawn Plant Food 40-4-4)	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 40-4-4; Độ ẩm: 15	CT TNHH Đạt Nông [NK từ Hoa Kỳ]	
				ppm	Fe: 3300; Mn: 500; Zn: 700; Cu: 700; B: 200; Mo: 5		
76	68	Đạt Nông 19-31-17 (Orchid Plant Food 19-31-17)	Đạt Nông Grow More 19-31-17 (Orchid Plant Food 19-31-17)	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 19-31-17; Độ ẩm: 15		
				ppm	Fe: 3300; Mn: 500; Zn: 700; Cu: 700; B: 200; Mo: 5		
77	69	Đạt Nông 19-24-24 (Rose Plant Food 19-24-24)	Đạt Nông Grow More 19-24-24 (Rose Plant Food 19-24-24)	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O:19-24-24; Độ ẩm: 15		
				ppm	Fe: 1000; Mn: 500; Zn: 500; Cu: 500		
79	70	Đạt Nông 18-19-30 (Tomato Plant Food 18-19-30)	Đạt Nông Grow More 18-19-30 (Tomato Plant Food 18-19-30)	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 18-19-30; Mg: 0,05; Độ ẩm: 15		
				ppm	Fe: 1000; Mn: 500; Zn: 500; Cu: 500		
109	71	BIOMASS- Phú Gia		%	Axit Humic: 25; K ₂ O: 2; NAA: 0,4; Độ ẩm: 9	CT CP Hóc Môn	
124	72	MSg-09	VH-555	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-5-5	CT TNHH Masago	CT TNHH Vi Hóa
				ppm	Mn: 100; Fe: 100; Zn: 50; Mg: 40; B: 70; Mo: 30		
					pH: 6,9-7,2; Tỷ trọng: 1,05-1,15		
129	73	MSg-04 (K. Humat)	HB-Kali Humate (K-Humate)	%	Axit Humic:4,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O:1,5-2-6; Glycine:0,2; NAA:0,1	CT TNHH Masago	CT TNHH SX-TM-DV Hải Bình
				ppm	Mn: 100; Fe: 20; Zn: 35; Cu: 100; Mg: 1700; B: 70; Mo: 10		
					pH: 7-7,5; Tỷ trọng: 1,08-1,12		
150	74	Hợp Trí HK 7-5-44 + TE	Hợp Trí HK 7-5-44 + TE	%	N-P ₂ O ₅ - K ₂ O: 7-5-44; MgO: 0,1; B: 0,012; Zn: 0,02; Cu: 0,02; Fe: 0,06; Mn: 0,08; Mo: 0,0012; Co: 0,0012; Độ ẩm: 2	CT TNHH Hóa Nông Hợp Trí	
			Hợp Trí HK 7-5-44 + TE	%	N-P ₂ O ₅ - K ₂ O: 7-5-44; MgO: 0,1; B: 0,012; Zn: 0,02; Cu: 0,02; Fe: 0,06; Mn: 0,08; Mo: 0,0012; Co: 0,0012		
			Hợp Trí HK 7-5-44 + TE (dạng lỏng)		pH: 5-6; Tỷ trọng: 1,3-1,4		

M. Danh mục phân bón đã có trong Phụ lục 2, DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2010/TT-BNNPTNT ngày 29/6/2010 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
77	75	Hợp Trí BORON		g/lít	B: 150	CT TNHH Hóa Nông Hợp Trí (NK từ Hoa Kỳ và Anh)	
					pH: 8-9; Tỷ trọng 1,35-1,39		

N. Danh mục phân bón đã có trong DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 49 /2010/TT-BNNPTNT ngày 24/8/2010 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

I. PHÂN HỮU CƠ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
6	76	SICOPOUL NPK 4-4-3+ME		%	HC: 65; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-4-3; Ca: 5; Độ ẩm: 12	CT TNHH TM Vĩnh Thạnh (NK từ Bi và Hà Lan)	CT TNHH TM Vĩnh Thạnh (NK từ Bi và Mỹ)
				ppm	B: 20; Cu: 60; Fe: 200; Mn: 200; Zn: 200		
					pH: 7		
7	77	SUPERBIO NPK 2,8-3-2+1MgO+ME		%	HC: 60; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,8-3-2; CaO: 2,5; MgO: 1; Độ ẩm: 16	CT TNHH TM Vĩnh Thạnh (NK từ Bi và Hà Lan)	CT TNHH TM Vĩnh Thạnh (NK từ Bi và Mỹ)
				ppm	B: 20; Cu: 40; Fe: 2000; Mn: 200; Zn: 150		
					pH: 7		
8	78	Sup'Rgreen 3-2-2		%	HC: 50; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-2-2; Ca: 2; Mg: 0,5; Độ ẩm: 25	CT TNHH TM Vĩnh Thạnh (NK từ Bi và Hà Lan)	CT TNHH TM Vĩnh Thạnh (NK từ Bi và Mỹ)
				ppm	Fe: 100; Mn: 150; Zn: 150; Cu: 300; B: 20		
9	79	Nutri-Rich 4-3-3		%	HC: 45; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-3-3; Ca: 7; Mg: 0,5; Độ ẩm: 11		
				ppm	Fe: 250; Mn: 200; Zn: 150; Cu: 200; B: 15		
10	80	Fimus NPK 4-3-3+1MgO		%	HC: 65; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-3-3; MgO: 1; Độ ẩm: 8		

II- PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
6	81	GSX 20	Lam Sơn 2	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-2-3; Độ ẩm: 20	CT TNHH Giang Sơn Xanh	CT CP Phân bón Lam Sơn
30	82	Minh Lương 1-6-1	Tân Việt Pháp 42	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1-6-1; Độ ẩm: 20	CT TNHH Minh Lương	CT CP XNK Tân Việt Pháp
53	83	TDC 9	Bình Phước	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-2-2; Độ ẩm: 20	CT TNHHPTCN Thảo Điền	CT TNHH Phân bón Bình Phước
				ppm	Zn: 80; Fe: 150; Cu: 40; Mn: 70		

III. PHÂN HỮU CƠ VI SINH

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
11	84	GSX - 03	An Phước	%	HC: 15; Axit Humic: 0,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1,5-1-1,5; Độ ẩm: 30	CT TNHH Giang Sơn Xanh	CT TNHH An Phước
				ppm	Cu: 60; Zn: 60; Mn: 38; B: 10; Mo: 2; Fe: 3		
				Cfu/g	Azotobacter, Trichoderma, Bacillus Polymixa: 1x10 ⁶ mỗi loại		
20	85	Domix-BL		%	HC: 25; N-P ₂ O ₅ : 1-5; Độ ẩm: 30	CT TNHH Miền Đông	CT TNHH Đại Thành
				Cfu/g	Nitrogen fixing, Phosphorus decomposing, Cellulose decomposing: 1x10 ⁶ mỗi loại		
49	86	VM.33	VN-Mix 3-1-1	%	HC: 20; Axit Humic: 2; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-1-1; CaO: 2; MgO: 2; Độ ẩm: 30	CT CP Phân bón Việt Mỹ	CT TNHH TMDVSX Phân bón Việt Nga
				ppm	Fe: 300; Zn: 300; Cu: 300		
				Cfu/g	Azotobacter; Bacillus sp; Trichoderma sp: 1x10 ⁶ mỗi loại		

IV. PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
10	87	GSX - 06	Thiên Tân 01	%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-1-2 CaO: 0,1; Mg: 0,01; Độ ẩm: 20	CT TNHH Giang Sơn Xanh	CT CP Thiên Tân
					pH: 5-7		
9	88	GSX - 05	Chitobat	%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-1-1; CaO: 0,1; MgO: 0,01; Chitin: 0,1; Độ ẩm: 20	CT TNHH Giang Sơn Xanh	TT KKN PB vùng Nam Bộ
					pH: 5-7		
12	89	GSX 23	SONG LONG (2,5-2-0,6)		HC: 22; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ - K ₂ O: 2,5-2-0,6; Độ ẩm: 20	CT TNHH Giang Sơn Xanh	CT TNHH Song Long Thọ
13	90	SOILRENU- GREELLADSOI		%	HC: 40; N: 2,5; Axit Humic: 3; Độ ẩm: 20	CT TNHH MTV&XNK Đá mỹ nghệ Kim Hoàn (NK từ Mỹ)	CT CP ĐTTMDV Tân Hưng [NK từ Mỹ]
				mg/kg	Cl: 0,08; Zn: 64; Ni: 12; Co: 10,7; Na: 1,6 Mo: 1,2		
					pH: 5-7		
37	91	Silic Minh Lương	Tân Việt Pháp 24	%	HC: 23; Axit Humic: 2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,5-1,5-0,5; SiO ₂ : 3,5; Độ ẩm: 20	CT TNHH Minh Lương	CT CP XNK Tân Việt Pháp
					pH: 6,5		
48	92	TDC-Silica	Silica-Thanh Dũng	%	HC:23; Axit Humic:2,5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O:2,5-1-1; SiO ₂ :2; Độ ẩm:20	CT TNHH PTCN Thảo Điền	CT TNHH MTV Thanh Dũng
				ppm	Zn: 80; Fe: 150; Cu: 40; Mn: 70		

VI. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
130	93	Đệ Nhất TYHUMAX 09	TQ 7-5-44	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-5-44; CaO: 5; Mg: 1 Độ ẩm: 5-8	CT CP Nông nghiệp Nhất	CT TNHH SX-TM Tứ Quý
					Cu: 150; Zn: 150; Fe: 150; B: 250		

L. Danh mục phân bón đã có trong Phụ lục 3, DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 65/2010/TT-BNNPTNT ngày 5/11/2010 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

IV. PHÂN VI SINH VẬT

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
6	94	Trichoderma		%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1-1-1; Độ ẩm: 30	CT TNHH Trí Nông	CT TNHH SX-TM Đất Việt Xanh
				Cfu/g	Trichoderma sp: 1x10 ⁶		

VIII. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
248	95	KTC 02		%	B: 2; Ca: 12	CT TNHH Trí Nông	CT TNHH SX-TM Đất Việt Xanh
				ppm	Auxin: 100; Cytokinin: 250; Vitamin B1: 100		
					pH: 6,9; Tỷ trọng: 1,1		
249	96	TriNo K-Phos	GSC-K-Phos	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-15-15; Mg: 0,054		
				ppm	Fe: 340; Zn: 46; Mo: 10; B: 100; Axit Humic: 50; Histidine: 100; Methionine: 100; Alenine: 100		
					pH: 6,6; Tỷ trọng: 1,1		

250	97	TriNo Humat	Viet-Humate	%	Axit Humic: 3; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-3-3; Mg: 0,075	CT TNHH Trí Nông	CT TNHH SX-TM Đất Việt Xanh
				ppm	Fe: 500; Zn: 460; Mo: 10; B: 100; NAA: 500		
					pH: 7; Tỷ trọng: 1,1		
251	98	Mg-Kali		%	Axit Humic: 2; P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-15; Mg: 3		
				ppm	Fe:2500; Zn:1000; Mo:100; B:500; NAA:500; Cytokinin:100		
					pH: 6,5; Tỷ trọng: 1,1		

P. Danh mục phân bón đã có trong Phụ lục 4, DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 65/2010/TT-BNNPTNT ngày 5/11/2010 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT) nhưng có sự thay đổi về tên phân bón, tổ chức, cá nhân đăng ký gồm:

IV. PHÂN VI SINH VẬT

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
7	99	Viễn Đông 01 (VIDANA 1) chuyên cây ngắn ngày	Bacter 01 (chuyên cây ngắn ngày)	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 0,3-0,3-0,5; Độ ẩm: 30	CT CP Đầu tư Viễn Đông	TT KKN PB vùng Nam Bộ
				Cfu/g	Azotobacter chlococum: 1x10 ⁸		

8	100	Viễn Đông 02 (VIDANA 2) chuyên cây ngăn ngày	Bacter 02 (chuyên cây ngăn ngày)	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 0,2-0,3-0,5; Độ ẩm: 30	CT CP Đầu tư Viễn Đông	TT KKN PB vùng Nam Bộ
				Cfu/g	Bacillus megaterium var phosphorin: 1x10 ⁶		
9	101	Viễn Đông 03 (VIDANA 3) chuyên cây ngăn ngày	Bacter 03 (chuyên cây ngăn ngày)	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 0,5-0,5-1; Độ ẩm: 30		
				Cfu/g	Atinomyces albus: 1x10 ⁸		
11	102	Niphos		%	Độ ẩm: 30	CT TNHH TM DV SX Phân bón Việt Nga	Chi nhánh VUDCN tại Tp. HCM
				Cfu/g	Pseudomonas spp; Azospirillum lipoferum: 1x10 ⁹ mỗi loại		

V. PHÂN HỮU CƠ VI SINH

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
14	103	FERP		%	HC: 56; Độ ẩm: 7	CT CP ENASA Việt Nam [NK từ Úc và Đài Loan]	CT TNHH PTNN CNC Sơn Thái [NK từ Úc và Đài Loan]
				Cfu/g	Photphate Solubilizing bacteria: 1x10 ⁹		
66	104	Việt Nga 1 (VN1)	Nấm xanh Metarhizium	%	HC: 15; P ₂ O ₅ : 3; Độ ẩm: 30	CT TNHH TM DV SX Phân bón Việt Nga	CT TNHH PTCN Thảo Điền
				Cfu/g	Metarhizium Anisopliae: 1x10 ⁶ ; Bacillus sp: 1x10 ⁶		

VII. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
46	105	Hợp Trí BoroCa (dạng lỏng)	Hợp Trí BoroCa (dạng bột)	%	Ca: 12; B: 4; Độ ẩm: 1,74	CT TNHH Hoá Nông Hợp Trí	
		Hợp Trí BoroCa (dạng bột)	Hợp Trí BoroCa (dạng lỏng)	%	Ca: 12; B: 4		
					pH: 7,5-9,5; Tỷ trọng: 1,35-1,45		

VII. PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
63	106	Thảo Nông 1	NPK Con Trâu	%	HC: 16; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-5-2; Độ ẩm: 24	CT TNHH Thảo Nông	CT CP ĐT & PT Nông nghiệp Trung ương
				ppm	Zn: 300; B: 100; Cu: 200; Mg: 300		
65	107	Thảo Nông 3	Humix (2-6-6)	%	HC: 16; Axit Humic: 1; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-6-6 Độ ẩm: 24		CT TNHH Hữu Cơ
				ppm	B: 200; Zn: 200; Mn: 200; Mg: 300; Ca: 200		
					pH: 5-7		

VIII. PHÂN BÓN LÁ

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
57	108	RICE MORE		%	HC: 9,4; Axit Humic: 2,5; N: 11,6; K ₂ O: 46,4 Độ ẩm: 7	CT CP ENASA Việt Nam [NK từ Úc và Đài Loan]	CT TNHH PTNN CNC Sơn Thái [NK từ Úc và Đài Loan]

167	109	KTC 102	Sao Thần Nông 3	%	Axit Humic: 4; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O 8-8-3, Mg: 0,4;	CT CP Nông Trang	CT TNHH DVKTNN&TM Thiên Phú, Đắk Lắk
				ppm	Zn: 320; B: 1500; Mn: 300; Mo: 30		
					pH: 6,5; Tỷ trọng: 1,15		
174	110	KTC 103	Sông Hồng 2011	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-5-4; Mg: 0,5; Độ ẩm: 10		CT CP Nguyễn Giáp
				ppm	Cu: 650; Zn: 450; B: 320; Mn: 320; Mo: 35		
173	111	Nông Trang 888	GAP	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 6-3-3; Mg: 0,4; Độ ẩm: 10	CT CP GAP Việt Nam	
				ppm	Cu: 600; Zn: 300; B: 300; Mn: 250; Mo: 30		
274	112	NACEN-NAA 4000		%	Axit Humic: 4; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-6-2	CT TNHH TM DV SX Phân bón Việt Nga	Chi nhánh Viện UDCN tại Tp. HCM
				ppm	NAA: 4000; B: 400; Vitamin B1: 500 VitaminC: 500		
					pH: 7,5-8; Tỷ trọng: 1,2		
275	113	Việt Nga - Humate	NACEN- HUMATE	%	Axit Humic: 6; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-7-5		
				ppm	Zn: 200; B: 100; Mg: 200; Fe: 100		
					pH: 8-8,5; Tỷ trọng: 1,2		
276	114	NACEN-FULVIC 30		%	Axit Fulvic: 3; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 8-5-3	CT TNHH TM DV SX Phân bón Việt Nga	Chi nhánh Viện UDCN tại Tp. HCM
				ppm	Mg: 500; Zn: 200; Mn: 100; Fe: 100; Cu: 80		
					pH: 7-8; Tỷ trọng: 1,2		
277	115	NACEN 5-20-30+TE		%	Axit Humic:2; Axit Fulvic:1; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O:5-20-30; Độ ẩm:5		
				ppm	B: 500; NAA: 500; GA3: 500; Vitamin B1: 500; VitaminC: 400		

282	116	Việt Trung P	Pháp Thủy sĩ-P (Boom Bi)	g/l	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-44-80	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung	CT TNHH Pháp Thủy Sĩ
				ppm	Mg: 80; B: 50; Cu: 100		
					pH: 5-7; Tỷ trọng: 1,15		
283	117	Việt Trung Canxi cao	Pháp Thủy sĩ Canxi Max	g/l	CaO: 500		
				ppm	Zn: 200; Cu: 500; Mn: 100		
					pH: 7-7,5; Tỷ trọng: 1,2		
284	118	Việt Trung N	Pháp Thủy sĩ - T	%	N: 6,5		
				ppm	Zn: 100; Cu: 100		
				g/l	B: 150		
					pH: 6-7; Tỷ trọng: 1,15		
285	119	Việt Trung Humat 6-6-6	Pháp Thủy sĩ Humat 6-6-6 (Organic-Grow)	%	Axit Humic: 5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 6-6-6		
					pH: 5-7; Tỷ trọng: 1,13		
286	120	Việt Trung 7-7-7	Pháp Thủy sĩ 7-7-7	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-7-7		
				ppm	MgO: 3000; CaO: 3000; Zn: 2000; Cu: 2000; B: 5000		
					pH: 5-7; Tỷ trọng: 1,13		
287	121	Việt Trung 8-4-44+TE	Pháp Thủy sĩ 8- 4-4+TE (Very- Florer)	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 8-4-44; Độ ẩm: 5		
				ppm	Mg: 800; Zn: 600; Cu: 400; Mn: 400; B: 200		
288	122	Việt Trung 10-30-20+TE	Pháp Thủy sĩ 10- 20-30+TE (Romio-One)	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-30-20; Độ ẩm: 5		
				ppm	Mg: 500; S: 1000; Cu: 200; Fe: 500; B: 300		
289	123	Việt Trung 14-14-14+TE	Pháp Thủy sĩ 14- 14-14+TE (Zone One)	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 14-14-14; Độ ẩm: 5		
				ppm	Zn: 300; Cu: 300; Fe: 100; B: 100; Mg: 500		

290	124	Việt Trung 15-15-30+TE	Pháp Thủy sĩ 15-15-30+TE (Mix One)	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 15-15-30; Độ ẩm: 5	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung	CT TNHH Pháp Thủy Sĩ
				ppm	Cu: 200; Fe: 1000; Mn: 500; Mo: 30; Zn: 150; B: 200		
291	125	Việt Trung 19-19-19	Pháp Thủy sĩ 19-19-19+TE (one one)	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 19-19-19; MgO: 0,1; B: 0,012; Zn: 0,02; Độ ẩm: 5		
				ppm	Zn: 200; B: 150		
292	126	Việt Trung số 1	Pháp Thủy sĩ số 1 (Organic Start)	%	Axit Humic: 4; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-10-5		
				ppm	Zn: 600; B: 700; Mo: 20; S: 800		
					pH: 5-7; Tỷ trọng: 1,17		
293	127	Việt Trung số 2	Pháp Thủy sĩ số 2	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-10-5; Độ ẩm: 5		
				ppm	Cu: 100; Fe: 50; Mo: 20; Zn: 150; B: 200		
270	128	Hiệu cá Heo Đỏ	Cá Heo Đỏ	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1-1-1; Ca: 0,8; S: 0,7; Mg: 0,05; B: 5,8	CT TNHH TM & ĐT Việt Liên	CT CP Điền Vạn Lợi
				ppm	Zn: 29; Fe: 127; Cu: 54; Mn: 9; Mo: 16		
					pH: 5,8-6,2; Tỷ trọng: 1,17		
271	129	RQ Hiệu cá Heo Đỏ	RQ-Hiệu Cá Heo Đỏ	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-1-1,5; Ca: 1; S: 0,7; Mg: 0,5; B: 2	CT TNHH TM & ĐT Việt Liên	CT CP Điền Vạn Lợi
				ppm	Fe: 200; Mn: 120; Mo: 10		
					pH: 5,8-6,2; Tỷ trọng: 1,17		

Q. Danh mục phân bón đã có trong Phụ lục 03, DMPB được phép SXKD & SD tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 70/2010/TT-

III. PHÂN HỮU CƠ VI SINH

TT		Tên phân bón		Đơn vị	Thành phần, hàm lượng các chất đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký	
Cũ	Mới	Cũ	Mới			Cũ	Mới
27	130	KIÊN AN BL 1 (Economic BL1)	KIÊN AN BL 1 (Economix BL 1)	%	HC: 15; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-1-1; Ca: 0,5; Mg 0,3 Độ ẩm: 30	CT TNHH SXTM Kiên An	
				ppm	Fe: 100; Zn: 100; Cu: 100; B: 100		
				Cfu/g	Trichoderma sp.: 1x10 ⁶		

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Bá Bổng